

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NĂM CĂN
TỈNH CÀ MAU**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 52/2020/DS-ST
Ngày: 13-10-2020
V/v “tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NĂM CĂN, TỈNH CÀ MAU**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phan Diệu Hiền.

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Phạm Kim Luyến.

Ông Võ Minh Út.

- Thư ký phiên tòa: Ông Thái Văn Gây là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

Ngày 13 tháng 10 năm 2020 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 156/2020/TLST-DS ngày 03 tháng 8 năm 2020 về “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 72/2020/QĐXXST-DS ngày 09 tháng 9 năm 2020 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Cao Kim P – Chủ Hộ kinh doanh T (viết tắt: HKD T).

Địa chỉ: Số 132, Nguyễn Tất Thành, khóm 4, thị trấn N, huyện N, tỉnh Cà Mau.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà Trần Thị L, sinh năm 1984 (văn bản ủy quyền được chứng thực ngày 25/8/2020, có mặt).

Địa chỉ: Số 20, ấp B, xã L, thành phố C, tỉnh Cà Mau.

- Bị đơn: Ông Nguyễn Văn N, sinh năm 1965 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp 5, xã Hiệp T, huyện N, tỉnh Cà Mau.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

*** Tại đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2020 và trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn - HKD T trình bày yêu cầu:**

Trước đây HKD T và ông Nguyễn Văn N có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm nhưng không ký hợp đồng bằng văn bản, theo đó HKD T cung cấp thức ăn nuôi tôm thẻ chân trắng, tôm sú mang nhãn hiệu Việt Hoa và các loại thuốc

thủy sản theo đơn đặt hàng của ông N, đến cuối vụ ông N phải thanh toán dứt điểm công nợ cho HKD T.

Trong quá trình giao dịch, ông N không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ. Ngày 24/01/2019 ông N còn nợ HKD T tổng số tiền 232.546.000 đồng, kể từ đó đến nay T liên hệ nhiều lần nhưng ông N chỉ trả được 2.000.000 đồng vào ngày 28/5/2020. Theo bảng đối chiếu công nợ tháng 5/2020 ký ngày 28/5/2020, ông N còn nợ HKD T số tiền 230.546.000 đồng.

Nay HKD T khởi kiện buộc ông N thanh toán số tiền mua bán gốc là 230.546.000 đồng, tiền lãi tạm tính từ ngày 28/5/2020 đến ngày 15/7/2020 là 1.913.000 đồng và lãi suất tính từ ngày 16/7/2020 đến ngày xét xử.

** Đối với bị đơn - Ông Nguyễn Văn N:*

Tòa án đã tổng đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, hết thời hạn theo quy định mà ông N không có văn bản trình bày ý kiến của mình về việc HKD T khởi kiện. Đồng thời, Tòa án đã tổng đạt hợp lệ 02 lần Thông báo về phiên họp, kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử nhưng ông N vẫn vắng mặt 02 lần không có lý do.

** Tại phiên tòa:*

- Đại diện hợp pháp của nguyên đơn bà Trần Thị L trình bày: Bảo lưu yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, sau khi đối chiếu công nợ ngày 28/5/2020, giữa ông N và phía HKD T có thỏa thuận mỗi tháng ông N trả cho HKD T 3.000.000 đồng nhưng ông N không thực hiện theo thỏa thuận. Tháng 7/2020, phía HKD T nộp đơn khởi kiện, đến tháng 9/2020 ông N thanh toán thêm cho HKD T 1.000.000 đồng. Nay HKD T yêu cầu ông N thanh toán số tiền mua bán gốc là 229.546.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/5/2020 đến ngày 15/7/2020 là 01 tháng 17 ngày với số tiền 2.997.866 đồng nhưng HKD T chỉ yêu cầu số tiền lãi là 1.913.000 đồng (01 tháng), không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 16/7/2020 đến nay.

- Bị đơn ông Nguyễn Văn N: Vắng mặt nên không có ý kiến.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Về thủ tục tố tụng:

- Về quan hệ tranh chấp: Theo Đơn khởi kiện đề ngày 24/7/2020 HKD T yêu cầu ông Nguyễn Văn N thanh toán số tiền mua bán tài sản (tôm, thức ăn tôm...) còn nợ, tranh chấp giữa các bên là “Tranh chấp hợp đồng mua bán tài sản” quy định tại khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự nên vụ án thuộc thẩm quyền của Tòa án nhân dân huyện Năm Căn, tỉnh Cà Mau.

- Đối với ông Nguyễn Văn N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ (02 lần) tham gia phiên tòa sơ thẩm nhưng đều vắng mặt không có lý do, căn cứ điểm b khoản 2 Điều 227 của Bộ luật tố tụng dân sự Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt ông N.

[2]. Về nội dung vụ án:

- Xét yêu cầu khởi kiện của HKD T: Trước đây HKD T và ông Nguyễn Văn N có thực hiện giao dịch mua bán thức ăn tôm nhưng không ký hợp đồng bằng văn bản. Theo bảng đối chiếu công nợ được ông Nguyễn Văn N và HKD T ký xác nhận ngày 28/5/2020 về số tiền trả 2.000.000 đồng vào ngày 28/5/2020 và số tiền ông N còn nợ HKD T số tiền 230.546.000 đồng. Như vậy, hợp đồng mua bán tài sản giữa HKD T với ông N thực tế xảy ra.

Trong quá trình giao dịch, ông N không thực hiện trả tiền đúng theo thỏa thuận, đến cuối vụ không thanh toán hết công nợ cho HKD T. Ngày 24/01/2019 ông N còn nợ HKD T tổng số tiền 232.546.000 đồng, kể từ đó đến nay HKD T liên hệ nhiều lần nhưng ông N chỉ trả được 2.000.000 đồng vào ngày 28/5/2020 và trả 1.000.000 đồng vào tháng 9/2020. Nay HKD T khởi kiện buộc ông Nguyễn Văn N thanh toán cho HKD T số tiền mua bán gốc là 229.546.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/5/2020 đến ngày 15/7/2020 là 01 tháng 17 ngày với số tiền 2.997.866 đồng nhưng HKD T chỉ yêu cầu số tiền lãi là 1.913.000 đồng (01 tháng), không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 16/7/2020 đến nay. Đối với ông Nguyễn Văn N được Tòa án triệu tập hợp lệ để giải quyết vụ án nhưng đều vắng mặt không có lý do và không có ý kiến phản hồi, căn cứ khoản 2 Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự quy định *“Một bên đương sự thừa nhận hoặc không phản đối những tình tiết, sự kiện, tài liệu, văn bản kết luận của cơ quan chuyên môn mà bên đương sự kia đưa ra thì bên đương sự đó không phải chứng minh”*. Do đó, việc ông N còn nợ số tiền mua bán gốc là 229.546.000 đồng trong hợp đồng mua bán của HKD T là có xảy ra và mặc nhiên được ông N thừa nhận.

Về khoản tiền lãi, HKD T yêu cầu ông Nguyễn Văn N có trách nhiệm trả tiền lãi tính từ ngày 28/5/2020 đến ngày 15/7/2020 là 01 tháng 17 ngày với số tiền 2.997.866 đồng nhưng HKD T chỉ yêu cầu số tiền lãi là 1.913.000 đồng (01 tháng); yêu cầu này của HKD T là phù hợp với quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự.

Vì vậy, yêu cầu thanh toán khoản nợ mua bán gốc là 229.546.000 đồng và lãi suất với số tiền 1.913.000 đồng, tổng cộng bằng 231.459.000 đồng của HKD T đối với ông Nguyễn Văn N là có căn cứ nên được chấp nhận theo quy định tại Điều 430, Điều 440 của Bộ luật dân sự.

Trường hợp ông Nguyễn Văn N chậm thanh toán khoản tiền nêu trên thì ông N còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Mặc dù, tại Đơn khởi kiện ngày 24 tháng 7 năm 2020, nguyên đơn đã yêu cầu Tòa án giải quyết buộc ông N thanh toán số tiền mua bán gốc là 229.546.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/5/2020 đến ngày 15/7/2020 là 1.913.000 đồng, lãi suất tính từ ngày 16/7/2020 đến ngày xét xử. Nhưng tại phiên tòa, người đại diện hợp pháp của nguyên đơn thay đổi một phần yêu cầu là chỉ buộc ông N thanh toán số tiền mua bán gốc là 229.546.000 đồng, tiền lãi tính từ ngày 28/5/2020 đến ngày 15/7/2020 là 01 tháng 17 ngày với số tiền 2.997.866 đồng nhưng HKD T chỉ

yêu cầu số tiền lãi là 1.913.000 đồng (01 tháng), không yêu cầu tính lãi suất từ ngày 16/7/2020 đến nay. Xét thấy, việc thay đổi một phần yêu cầu về lãi suất nói trên là hoàn toàn tự nguyện, căn cứ khoản 1 Điều 244 Bộ luật tố tụng dân sự, việc thay đổi yêu cầu về lãi suất của nguyên đơn được Hội đồng xét xử chấp nhận vì không vượt quá phạm vi yêu cầu khởi kiện ban đầu.

[3]. Về án phí: Án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%, do yêu cầu của HKD T được chấp nhận nên ông N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự và Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. HKD T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm và được nhận lại toàn bộ số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 430, Điều 440, Điều 468 của Bộ luật dân sự; Điều 147, điểm b khoản 2 Điều 227, khoản 1 Điều 244 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 2 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

Buộc ông Nguyễn Văn N phải thanh toán cho bà Cao Kim P – Chủ Hộ kinh doanh T số tiền mua bán gốc là 229.546.000 đồng và lãi suất là 1.913.000 đồng; tổng cộng bằng 231.459.000 đồng (*hai trăm ba mươi một triệu bốn trăm năm mươi chín nghìn đồng*).

Kể từ ngày bà Cao Kim P – Chủ Hộ kinh doanh T có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp ông N chậm thanh toán số tiền gốc nêu trên thì hàng tháng ông N còn phải chịu thêm khoản lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thanh toán tại thời điểm thi hành án.

Về án phí: Đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch 5%.

Ông Nguyễn Văn N phải chịu án phí với số tiền là 11.573.000 đồng (tính tròn).

HKD T không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm, được nhận lại số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 5.811.000 đồng theo Biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0007318 ngày 03 tháng 8 năm 2020 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Năm Căn.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi

hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật thi hành án dân sự.

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, vắng mặt tính từ ngày nhận bản án hoặc tổng đạt bản án hợp lệ.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Năm Căn;
- Chi cục THADS huyện Năm Căn;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phan Diệu Hiền